TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 – LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 131/2026/QĐST-HNGĐ	*Lâm Đồng, ngày 31 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - LÂM ĐỒNG

Căn cứ khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, Điều 36, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 149, 150, 370, 371 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 194/2026/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2026 về việc: "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con*", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông **Lưu Việt D**, sinh năm 1980
Địa chỉ: 24 T, phường M, tỉnh Lâm Đồng.

- Bà **Nguyễn Thị Như T,** sinh năm 1983
Địa chỉ: thôn T, phường M, tỉnh Lâm Đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Lưu Việt D và bà Nguyễn Thị Như T đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên theo Giấy chứng nhận kết hôn số 14, ngày 26/3/2004. Nay ông D, bà T xác định mâu thuẫn đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên thuận tình ly hôn.

[2] Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 23 tháng 3 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: ông Lưu Việt D và bà Nguyễn Thị Như T thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: ông, bà có 02 (hai) người con chung là cháu Lưu Lan A (nữ), sinh ngày 29/7/2005 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết và cháu Lưu Anh M (nam), sinh ngày 12/6/2013. Sau ly hôn, giao cháu Lưu Anh M cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; ông D không cấp dưỡng nuôi con do bà T chưa yêu cầu.

Ông D, bà T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con, yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại các Điều 83, 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

- *Về tài sản chung*: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: ông Lưu Việt D và bà Nguyễn Thị Như T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình. Ngày 19/3/2026, ông D, bà T đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng lệ phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004498 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng. Ông D, bà T đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 10 - Lâm Đồng;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Phòng THADS Khu vực 10 - Lâm Đồng;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Hồ Nữ Kiều Mỹ

TAND KHU VỰC 10

MM4310326.TL.QDBA.763